

Bản án: 140/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích;
2. Bà Đoàn Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 588/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Phước H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh A; địa chỉ hiện nay: Số 023, tổ 2, ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh A; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diệp U, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 10, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Phước H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Diệp U tự nguyện tìm hiểu vào năm 2005, tổ chức lễ cưới vào khoảng tháng 11 năm 2006 và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L vào ngày 22/9/2008. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc khoảng 5 năm

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế, tính tình không hợp nhau. Hiện tại ông bà đã chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Do tình cảm của ông dành cho bà U không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà U.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh Thị Cẩm L, sinh ngày 29/8/2008 và Huỳnh Phước H, sinh ngày 15/11/2011. Con chung hiện đang sinh sống với bà U. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà U được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H trình bày không có.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị Diệp U vẫn vắng mặt; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phước H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà U tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

- Nguyên đơn ông Huỳnh Phước H trình bày lời khai như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diệp U. Ông xác định từ khi vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay thì ông bà không có biện pháp nào để khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông đồng ý để bà U được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung; ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu với số tiền 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu, kể từ ngày xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận và nợ chung ông trình bày không có. Bên cạnh đó, ông H còn xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì ông không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Diệp U vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 và Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Huỳnh Phước H đối với bà Nguyễn Thị Điệp U.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Huỳnh Thị Cẩm L, sinh ngày 29/8/2008 và Huỳnh Phước H, sinh ngày 15/11/2011 cho bà U được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Phước H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu với số tiền 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông H trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Phước H khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Điệp U. Đồng thời, bà U có nơi cư trú trên địa bàn thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đối với phiên tòa được mở lần thứ nhất và Quyết định hoãn phiên tòa đối với phiên tòa hôm nay nhưng bà U vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đây là lần thứ hai bà U vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà

Út theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phước H và bà Nguyễn Thị Diệp U tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 22/9/2008 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chứng cứ ông H đưa ra để yêu cầu ly hôn bà U là đời sống hôn nhân giữa ông và bà U không hạnh phúc. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, tính tình vợ chồng không hòa hợp nên vợ chồng không còn quan tâm, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù những mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình, cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng ông xác định, đời sống vợ chồng giữa ông và bà U không hạnh phúc, tình cảm của ông dành cho bà U không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn bà U.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà U vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Đồng thời, bà U cũng không thực hiện việc cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà U tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, ông H trình bày, tình cảm của ông dành cho bà U không còn, vợ chồng thường xuyên cự cãi và ông bà đã chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì ông bà cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình chung sống, bà U có vay nợ của nhiều người và ông đã cố gắng đi làm để trả những khoản nợ do bà U tạo ra. Ông xác định hiện nay vợ chồng không phát sinh thêm khoản nợ chung nào nhưng cuộc sống gia đình đang lâm vào cảnh túng thiếu, khó khăn. Bà U bỏ mặc ông, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Thấy rằng, thực tế cuộc hôn nhân giữa ông H và bà U đã không còn tồn tại. Ông bà đã có khoảng thời gian ly thân dài và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Điều đó chứng tỏ cuộc hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hòa được ly hôn bà U, theo như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung tên Huỳnh Thị Cẩm L, sinh ngày 29/8/2008 và Huỳnh Phước H, sinh ngày 15/11/2011. Ông đồng ý để bà U được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định sau khi ông nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án thì bà U đã dẫn hai con đi đâu không rõ. Ông không liên lạc được với bà U nên ông không cung cấp được nguyện vọng của hai con là muốn sống với cha hay mẹ.

Tại phiên tòa, ông H trình bày, cháu L và cháu H từ nhỏ sinh sống cùng ông và bà U. Khi bà U dẫn hai con đi khỏi địa phương, ông đã tìm mọi cách để liên hệ vợ và hai con nhưng không được. Do đó, ông không tranh chấp về quyền nuôi con chung và đồng ý để bà U được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu với số tiền 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày xét xử.

Thấy rằng, từ khi ông bà không còn sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2018 đến nay, hai con chung do bà U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông H không tranh chấp về quyền nuôi con chung và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng với số tiền 1.000.000đ/tháng/cháu đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày xét xử. Cho nên, để ổn định cuộc sống của con chung khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho bà U được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu với số tiền 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu của ông H. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom hai con chung. Bà U và gia đình phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ông H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Ông H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Diệp U không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Ông H còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Bà U không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Diệp U.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phước H. Ông Huỳnh Phước H được ly hôn bà Nguyễn Thị Diệp U.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 (Hai) con chung tên Huỳnh Thị Cẩm L, sinh ngày 29/8/2008 và Huỳnh Phước H, sinh ngày 15/11/2011 cho bà Nguyễn Thị Diệp U được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Huỳnh Phước H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu với số tiền 1.000.000đ/1 tháng/1 cháu. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng kể từ ngày 04/12/2018 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng được thay đổi theo từng thời điểm.

Bà Nguyễn Thị Điệp U cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Huỳnh Phước H đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông Huỳnh Phước H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009763, ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông Huỳnh Phước H còn phải nộp tiếp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Điệp U không phải nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Ông Huỳnh Phước H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bà Nguyễn Thị Điệp U được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND. TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- UBND xã Mỹ Khánh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Thu

